|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT KON TUM**TRƯỜNG THPT DUY TÂN**ĐỀ CHÍNH THỨC*(Đề kiểm tra có 03 trang)* | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I, NĂM 2024-2025****Môn: ĐỊA LÍ, Lớp: 12***Thời gian làm bài:45 phút, không kể thời gian phát đề***Mã đề: 123** |

*Họ, tên học sinh:…………………………………*

*Số báo danh:………………..…….………………*

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực công nghiệp và xây dựng ở nước ta không diễn ra theo xu hướng nào sau đây?

 **A.** Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến.

 **B.** Tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao.

 **C.** Ứng dụng khoa học - công nghệ và sáng tạo.

 **D.** Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thị trường.

**Câu 2.** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

 **A.** Đông nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ .

 **C.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên. **D.** Đông nam Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 3.** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

 **A.** khai thác hiệu quả tài nguyên. **B.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

 **C.** tăng cường hội nhập quốc tế. **D.** sử dụng hợp lí nguồn lao động.

**Câu 4.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng

 **A.** tăng. **B.** ổn định. **C.** biến động. **D.** giảm.

**Câu 5.** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

 **A.** Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tiến hành đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.

 **B.** Xác định cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

 **C.** Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng.

 **D.** Hình thành các vùng động lực phát triển và các vùng trọng điểm về kinh tế.

**Câu 6.** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa?

 **A.** Mỗi địa phương sản xuất nhiều loại sản phẩm.

 **B.** Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng.

 **C.** Hình thành các vùng nông nghiệp chuyên môn hóa.

 **D.** Phần lớn sản phẩm sản xuất ra để tiêu dùng tại chỗ.

**Câu 7.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

 **A.** nhiều sông, ao hồ, bãi triều, vũng, vịnh. **B.** đường bờ biển dài, nhiều ngư trường.

 **C.** có nhiều hồ thủy điện, nhiều thác ghềnh. **D.** nhiều sông suối, chế độ nước theo mùa.

**Câu 8.** Vùng nào sau đây có nhiều điều kiện thuận lợi nhất để nuôi trồng thuỷ sản?

 **A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9.** Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

 **A.** Hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc. **B.** Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt.

 **C.** Môi trường biển và hải đảo ô nhiễm. **D.** Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.

**Câu 10.** Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

 **A.** nguồn nước. **B.** đất feralit.

NDL

 **C.** khí hậu nhiệt đới. **D.** địa hình đa dạng.

**Câu 11.** Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

 **B.** giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.

 **C.** tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

 **D.** giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

**Câu 12.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

 **A.** cây ăn quả. **B.** cây lương thực. **C.** cây công nghiệp. **D.** cây rau đậu.

**Câu 13.** Hình thức sản xuất chủ yếu nào sau đây đưa nông nghiệp nước ta lên nền sản xuất hàng hóa?

 **A.** Hợp tác xã. **B.** Nông trường. **C.** Trang trại. **D.** Hộ gia đình.

**Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữa vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

 **A.** Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất.

 **B.** Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.

 **C.** Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.

 **D.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta?

 **A.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

 **B.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

 **C.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

 **D.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

**Câu 16.** Biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay là

 **A.** triển khai Luật Lâm nghiệp. **B.** hạn chế tình trạng du cư.

 **C.** giao quyền sử dụng, bảo vệ rừng. **D.** trồng rừng trên đất trống, đồi trọc.

**Câu 17.** Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

 **A.** mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.

 **B.** phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

 **C.** số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.

NDL

 **D.** những thành tựu trong kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

 **A.** Tài nguyên rừng phân bố đều khắp các vùng.

 **B.** Trong rừng có nhiều gỗ và lâm sản quý.

 **C.** Tỉ lệ che phủ rừng giảm sút nhanh chóng.

 **D.** Diện tích rừng giàu được phục hồi nhanh.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Tỷ số giới tính của một số tỉnh nước ta năm 2015 và 2021** *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tiền Giang** | **Nghệ An** | **Bình Dương** | **Phú Thọ** |
| 2015 | 96,3 | 99,2 | 97,7 | 97,9 |
| 2021 | 96,1 | 100,4 | 101,6 | 98,4 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

**a)** Tỉ số giới tính của các tỉnh ở nước ta qua 2 năm đều có sự chênh lệch, nam nhiều hơn nữ.

**b)** Tỉ số giới tính của Tiền Giang thấp hơn Phú Thọ và cao hơn Bình Dương.

**c)** Sự thay đổi tỉ số giới tính ảnh hưởng lớn tới hoạch định chính sách phát triển các tỉnh.

**d)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tỷ số giới tính của một số tỉnh nước ta năm 2015 và 2021.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Các cây công nghiệp hàng năm chủ yếu là mía, đậu tương, lạc, bông, đay, cói, dâu tằm,... Trên cả nước đã hình thành một số vùng trồng tập trung như mía ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; lạc ở khu vực đổng bằng của Bắc Trung Bộ; đậu tương ở Trung du và miền núi Bắc Bộ,...

**a)** Tỉ trọng diện tích cây công nghiệp hàng năm của nước ta nhỏ hơn cây lâu năm và đang giảm.

**b)** Cây công nghiệp hàng năm tăng trưởng chậm chủ yếu do hiệu quả không cao, thị trường tiêu thụ hạn chế.

**c)** Các cây hàng năm phân bố chủ yếu ở các vùng đồi trung du, địa hình thuận lợi, nguồn nước dồi dào, khí hậu ôn hòa.

**d)** Biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các cây hàng năm là đẩy mạnh chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng cả trong và ngoài nước. Các mặt hàng thuỷ sản của nước ta cũng đã thâm nhập được vào thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... Những đổi mới trong chính sách của Nhà nước đã và đang có tác động tích cực tới sự phát triển của ngành thuỷ sản: đầu tư vốn; khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi và giữ vững chủ quyển biển, đảo,...

**a)** Thủy sản đang là ngành sản xuất tạo ra hàng xuất khẩu quan trọng cho nền kinh tế nước ta hiện nay.

**b)** Hoạt động nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh chủ yếu do thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng.

**c)** Chất lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu ngày càng cao chủ yếu do trình độ của người lao động được nâng lên.

**d)** Để sản phẩm xuất khẩu mang lại giá trị cao hơn, giải pháp chủ yếu là đẩy mạnh sản xuất sản phẩm thủy sản ôn đới.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Hai vùng có số lượng trang trại nhiều nhất là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Ở Đồng bằng sông Hồng, trang trại chăn nuôi chiếm tỉ trọng cao; trong khi ở Đồng bằng sông Cửu Long, trang trại nuôi trồng thuỷ sản chiếm tỉ trọng lớn.

**a)** Số lượng trang trại phân bố không đều theo lãnh thổ, tập trung nhiều ở các vùng đồng bằng.

**b)** Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng trang trại thủy sản lớn chủ yếu do có ngành nuôi trồng thủy sản phát triển nhất cả nước.

**c)** Phát triển mô hình trang trại góp phần đưa nền nông nghiệp nước ta tiến lên sản xuất hàng hóa, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

**d)** Các trang trại còn nhiều khó khăn, trong đó khó khăn lớn nhất là còn chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài.

**Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**GDP của nước ta giai đoạn 2010 – 2020**  *(Đơn vị: tỉ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 421 253 | 489 989 | 535 022 | 565 987 |
| Công nghiệp, xây dựng | 904 775 | 1 778 887 | 2 561 274 | 2955 806 |
| Dịch vụ | 1 113 126 | 2 190 376 | 2 955 777 | 3 365 060 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

GDP của nước ta năm 2020 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 2010 (coi năm 2010 = 100%)? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2022** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 3 085,9 | 3 168,0 | 3 024,0 | 2 992,3 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 19 216,6 | 21 091,7 | 19 874,4 | 19 976,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê,2023)*

Cho biết năng suất lúa đông xuân của nước ta năm 2022 chiếm bao nhiêu tạ/ha ?*(làm tròn kết quá đến 1 chữ số thập phân)*

**Câu 3.** Số lượng trâu năm 2010 của Bắc Trung Bộ là 710,0 nghìn con, đến năm 2021 là 581,9 nghìn con. Vậy trâu ở Bắc Trung bộ năm 2021 giảm bao nhiêu % so với năm 2010? *(Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**…………….HẾT……………**